

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG (*General information*):

- Tên học phần (*tiếng Việt*) : **Pháp luật Thanh tra và giải quyết khiếu nại tố cáo**
- Tên học phần (*tiếng Anh*) : **Law on Inspection and settlement of complaints and denunciations**
- Mã học phần : **LA2012**
- Trình độ : **Đại học**
- Loại học phần Bắt buộc Tự chọn
- Thuộc thành phần Kiến thức giáo dục đại cương
 Kiến thức cơ sở khối ngành
 Kiến thức cơ sở ngành
 Kiến thức ngành / chuyên ngành
 Kiến thức cuối khoá
- Khoa, Bộ môn phụ trách : **Khoa Kinh tế - Quản trị, Bộ môn Luật**
- Số tín chỉ : **2(2, 0)**
(*Lý thuyết, thực hành*)
- Phân bổ thời gian - Lý thuyết: 30 giờ; Tự học, thảo luận nhóm: 70 giờ
- Thực hành: 0 giờ; Tự học, thảo luận nhóm: 0 giờ
- Học phần tiên quyết : **Không**
- Học phần học trước : **Không**
- Học phần song hành : **Không**

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN (*Course description*):

(*Trình bày ngắn gọn vai trò, vị trí học phần*)

Học phần Pháp luật Thanh tra và giải quyết khiếu nại tố cáo cung cấp cho sinh những kiến thức chuyên ngành trong luật hành chính, nhằm giúp sinh viên hiểu hơn một trong những hoạt động thường xuyên của cơ quan hành chính Nhà nước, đó là hoạt động thanh tra, tiếp công dân, xử lý đơn, và giải quyết khiếu nại, tố cáo; đồng thời,

cũng giúp sinh viên tìm hiểu cụ thể hơn, sâu hơn về một trong những quyền quan trọng của công dân, mà trước đó đã được giới thiệu khái quát ở môn học Hiến pháp là Luật Hành chính, đó là quyền khiếu nại, tố cáo, quyền kiến nghị, phản ánh, song song là nghĩa vụ của người khiếu nại, tố cáo.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (Course objectives):

(Xác định các mục tiêu chung của học phần, gồm các mục tiêu về kiến thức/kỹ năng/thái độ và mức tự chủ, trách nhiệm)

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có:

	Ký hiệu (Ox)	Mục tiêu học phần
Kiến thức	O1	Biết và hiểu được những quy định pháp luật về thanh tra, khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân, xử lý đơn
Kỹ năng	O2	Vận dụng được những kiến thức đã học; tự đọc, tự nghiên cứu để nâng cao kiến thức để giải quyết những tình huống thực tế
	O3	Phân tích được quy định pháp luật và vận dụng vào thực tế để giải quyết các tình huống liên quan đến
Mức tự chủ và trách nhiệm	O4	Bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người khiếu nại, tố cáo. Có tinh thần trách nhiệm khi phát hiện ra những hành vi vi phạm pháp luật; Có ý thức tôn trọng pháp luật.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN (Course learning outcomes - CLOs)

(Cụ thể hóa mục tiêu cụ thể, gồm các chuẩn đầu ra về kiến thức/kỹ năng/thái độ và mức tự chủ, trách nhiệm)

Ox	CLOx	PLOx
O1	CLO1: Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về lý luận và thực tiễn thanh tra, khiếu nại, tố cáo, giải quyết khiếu nại, tố cáo và pháp luật về thanh tra, khiếu nại, tố cáo trong quản lý nhà nước;	PLO1 PLO3
	CLO2: Sinh viên biết trang bị những kiến thức cần thiết để vận dụng pháp luật về thanh tra, khiếu nại, tố cáo, giải quyết khiếu nại, tố cáo.	
	CLO3: Sinh viên có khả năng đọc, hiểu và biết cách khai thác những văn bản pháp luật về thanh tra, khiếu nại, tố cáo;	
	CLO4: Sinh viên có khả năng vận dụng pháp luật thanh tra, khiếu nại, tố cáo vào thực tiễn;	
O2	CLO5: Sinh viên biết thu thập tài liệu, xử lý các thông tin và đánh giá các tình huống pháp lý.	PLO2 PLO3
O3	CLO6: Sinh viên có khả năng đưa ra chính kiến, nhận xét của cá nhân về các hoạt động thanh tra, khiếu nại, tố cáo đang diễn ra	PLO3 PLO4 PLO5

	trên thực tế và những ý kiến đề xuất để khắc phục những hạn chế, yếu kém đang tồn tại.	PLO6 PLO8 PLO9
O4	CLO7: Có ý thức tôn trọng pháp luật, đặc biệt tôn trọng các quyết định của chủ thể có thẩm quyền trong thanh tra, khiếu nại, tố cáo;	PLO8 PLO10
	CLO8: Có quan điểm đúng về hoạt động thanh tra, khiếu nại, tố cáo;	
	CLO9: Tích cực đấu tranh bảo vệ công lý, nghiêm túc, khách quan trong nghiên cứu khoa học và đánh giá các vấn đề lý luận, thực tiễn thanh tra, khiếu nại, tố cáo Có ý thức vận dụng các kiến thức và pháp luật đã học trong cuộc sống và công tác.	

5. NỘI DUNG HỌC PHẦN (Contents of course)

(có thể theo bài giảng hoặc theo chương nhưng bài giảng tốt hơn)

5.1. Lý thuyết:

Số TT	Nội dung (Tên bài giảng)	Số giờ				TỔNG
		Lý thuyết	Thảo luận nhóm	Tự học	Khác (nếu có)	
Bài 1	Chương 1. Tổ chức Thanh tra 1 Khái quát về thanh tra 1.1. Khái niệm về thanh tra. 1.2. Vai trò của thanh tra. 1.3. Mục đích của hoạt động thanh tra.	3		5		08
Bài 2	Chương 1. Tổ chức Thanh tra (tt) 2. Hệ thống cơ quan thực hiện chức năng thanh tra 2.1. Lịch sử hình thành tổ chức thanh tra. 2.2. Hệ thống tổ chức cơ quan thực hiện chức năng thanh tra;	3		5		08
Bài 3	Chương 1. Tổ chức Thanh tra (tt) 3. Thanh tra viên, cộng tác viên thanh tra người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành	3		10		13
Bài 4	Chương 2. Hoạt động Thanh tra 1. Khái quát về hoạt động thanh tra 1.1. Khái niệm.	3		10		13

Số TT	Nội dung (Tên bài giảng)	Số giờ				TỔNG
	1.2. Phân loại hoạt động thanh tra 1.3. Hình thức thanh tra 1.4. Phương thức thanh tra.					
Bài 5	Chương 2. Hoạt động Thanh tra (tt) 2. Nguyên tắc hoạt động của thanh tra. 2.1. Nguyên tắc tuân theo pháp luật 2.2. Nguyên tắc bảo đảm chính xác, khách quan, công khai, kịp thời 2.3. Nguyên tắc không cản trở hoạt động bình thường của đối tượng thanh tra	3				03
Bài 6	Chương 2. Hoạt động Thanh tra (tt) 3. Quy trình hoạt động thanh tra 3.1. Quy trình hoạt động thanh tra theo phương thức Đoàn Thanh tra. 3.2. Thanh tra độc lập 4. Thanh tra lại 4.1. Khái niệm. 4.2. Căn cứ thanh tra lại. 4.3. Thẩm quyền thanh tra lại. 5. 4. Thời hiệu thanh tra lại, thời hạn thanh tra lại.	3		1 0		13
Bài 7	Chương 3. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại 1. Khiếu nại 1.1. Khái niệm. 1.2. Đối tượng bị khiếu nại. 1.3. Người khiếu nại. 1.4. Người bị khiếu nại. 1.5. Hình thức khiếu nại. 1.6. Thời hiệu khiếu nại	3		1 0		13
Bài 8	Chương 3. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại (tt) 2. Giải quyết khiếu nại 2.1. Khái niệm. 2.2. Nguyên tắc giải quyết khiếu nại. 2.3. Thẩm quyền giải quyết khiếu nại. 2.4. Thời hạn giải quyết khiếu nại.	3		1 0		13

Số TT	Nội dung (Tên bài giảng)	Số giờ				TỔNG
Bài 9	Chương 4. Tố cáo và trình tự, thủ tục giải quyết tố cáo 1. Tố cáo. 1.1. Khái niệm. 1.2. Người tố cáo. 1.3. Người bị tố cáo. 1.4. Đối tượng tố cáo 1.5. Hình thức tố cáo. 2. Giải quyết tố cáo. 2.1. Khái niệm. 2.2. Nguyên tắc giải quyết tố cáo. 2.3. Người giải quyết tố cáo. 2.4. Thẩm quyền giải quyết tố cáo. 2.5. Thời hạn giải quyết tố cáo.	3		10		08
Bài 10	Kiểm tra giữa kỳ và ôn tập	3				08
TỔNG		30	0	70		100

(Chú ý: 1 tín chỉ phải đảm bảo tổng là 50 giờ)

5.2. Thực hành: Không

6. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC (Teaching – Learning methods):

6.1. Phương pháp giảng dạy:

- Lý thuyết: Thuyết giảng, thảo luận, giải quyết vấn đề và hướng dẫn đọc tài liệu.
- Thực hành: Không.

6.2. Phương pháp học:

- Lý thuyết: Nghe giảng, thảo luận, giải quyết vấn đề và đọc tài liệu.
- Thực hành: Không.

7. TÀI LIỆU DẠY - HỌC, THAM KHẢO (*Learning materials*)

7.1. Tài liệu dạy học: chỉ có 1 tài liệu – bắt buộc bằng tiếng Việt

[1] Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2020), *Tập bài giảng Pháp luật Thanh tra, khiếu nại và tố cáo*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.

7.2. Tài liệu tự học và tham khảo: từ 3-5 tài liệu, một số học phần có thể có 7 tài liệu, (cả tiếng Việt và tiếng Anh)

- [1] Luật thanh tra 2010.
- [2] Luật Khiếu nại 2011.
- [3] Luật Tố cáo 2018

7.3. Phần mềm, công cụ hỗ trợ bài tập hoặc thực hành

- 1) Laptop
- 2) Slides
- 3) Máy chiếu
- 4) Viết và bảng
- 5) Micro

8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ (*Testing and assessment methods*)

8.1. Thang điểm đánh giá:

Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn với một chữ số thập phân (đến 0,1) và xếp loại điểm chữ như sau:

Loại	Thang điểm 10	Điểm chữ	Quy đổi thang điểm 4
Đạt (các học phần được tính vào điểm trung bình học tập)	8,5 – 10	A	4
	7,0 – 8,4	B	3
	5,5 – 6,9	C	2
	4,0 – 5,4	D	1
<i>Đạt</i>	<i>Từ 5,0 trở lên</i>	<i>P</i>	

Loại	Thang điểm 10	Điểm chữ	Quy đổi thang điểm 4
(các học phần chỉ yêu cầu đánh giá “Đạt” và không tính điểm trung bình học tập)			
Không đạt	< 4,0	F	0

8.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá tự học:

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Tỷ lệ %
Hoàn thành bài tập theo nhóm	Chấm bài tập	Rubic 1	100%

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung đánh giá		Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Tỷ lệ %
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Điểm danh, ý thức học tập	Rubic ...	10%
	Kiểm tra thường xuyên	Trắc nghiệm	Rubic ...	20% - 30%
		Câu hỏi ngắn		
		Tình huống		
		Kết quả tự học		
...				
Kết thúc học phần	Thi	Trắc nghiệm / Tự luận	Rubic ...	60% - 70%

(Tỷ lệ Thi kết thúc học phần: Khối Sức khỏe 70% - Khối ngoài Sức khỏe 60%)

9. MA TRẬN (Matrix):

❖ Ma trận tương thích chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: (nên có ma trận này)

Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)									
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)	(9)	(10)	
CLO1	P	P	P	P	S	S	S	S	S	
CLO2	P	P	P	P	S	S	S	S	S	
CLO3	P	P	P	P	S	S	S	S	S	
CLO4	P	P	P	P	S	S	S	S	S	
CLO5	P	P	P	P	S	S	S	S	S	

Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)									
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)	(9)	(10)	
CLO6	P	P	P	P	S	S	S	S	S	
CLO7	P	P	P	P	S	S	S	S	S	
CLO8	P	P	P	P	S	S	S	S	S	
CLO9	P	P	P	P	S	S	S	S	S	

Ghi chú: các ký tự trong các ô thể hiện

P: Đóng góp một phần cho chuẩn đầu ra

Partial supported

S: Đóng góp cho chuẩn đầu ra

Supported

H: Đóng góp quan trọng cho chuẩn đầu ra

Highly supported

Đề trống ô, nếu học phần không có đóng góp cho chuẩn đầu ra tương ứng

Ngoài ra có thể viết thêm ma trận khác nếu có điều kiện:

❖ **Ma trận tương thích phương pháp dạy - học và chuẩn đầu ra của học phần**

PP dạy - học	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)									
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)	(9)	(10)	
Thuyết trình	H	H	H	H	H	S	S	S	S	
Thảo luận nhóm	S	S	P	P	S	S	S	S	S	
Hỏi - trả lời	P	P	P	S	S	S	S	S	S	
Báo cáo chuyên đề										
Bài tập										
....										

❖ **Ma trận tương thích phương pháp kiểm tra đánh giá và chuẩn đầu ra của học phần**

PP kiểm tra, đánh giá	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)									
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)	(9)	(10)	
Lý thuyết	H	H	P	P	P	P	P	P	S	
Điểm chuyên cần	P	P	P	P	H	S	S	S	S	

PP kiểm tra, đánh giá	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)								
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)	(9)	(10)
Điểm kiểm tra MCQ	S	S	P	P	H	S	S	S	S
Điểm thi kết thúc MCQ	S	S	P	P	H	H	H	H	S
Thực hành									
Kế hoạch thực hành, bệnh án ...									
Thi kết thúc									

❖ Ma trận tương thích nội dung dạy – học và chuẩn đầu ra của học phần

❖ Ma trận tương thích phương pháp dạy - học và nội dung dạy – học

10. RUBIC / THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ (*Scoring guide/Rubric*):

Rubic 1: Điểm danh, đánh giá điểm chuyên cần

Số giờ vắng Số giờ HP	Mức điểm Thang điểm 10	Ghi chú
0%	10	
> 0% - 10%	9	Có phép
> 0% - 10%	7	Không có phép
....		
> 25%	0	Không được dự thi kiểm tra học phần

Rubic 2: thang điểm chấm bài trắc nghiệm (kiểm tra thường xuyên).

Rubic 3: Đánh giá bài báo cáo nhóm

Rubic 4: Đánh giá thuyết trình nhóm

Rubic 5: Đánh giá hoạt động cá nhân tự học

- Bài tập cá nhân
- Tham gia hoạt động nhóm
- Hoạt động trong giờ học trên lớp

Rubic 6: Thang điểm chấm bài thi thực hành

Rubic 7: Thang điểm chấm bài thi trắc nghiệm cuối kỳ

11. HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ CỦA GIẢNG VIÊN VÀ TRỢ GIẢNG (*Student*

support)

- Giảng viên sẽ giải đáp tất cả các thắc mắc của học viên liên quan đến môn học.
- Sinh viên có thể gửi email qua địa chỉ hoặc gặp trực tiếp giảng viên vào ngày thứ hàng tuần tại Văn phòng khoa ...

Tp.HCM, ngày tháng năm 2022

Trưởng Khoa
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trưởng Bộ môn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Người biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)

TS. Mai Thị Trúc Ngân

ThS. Đinh Thị Cẩm Hà

ThS Phan Thị Trúc Phương